TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 324/2023/HS-PT
Ngày: 13/5/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Xuân Trọng;

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Mai;

Bà Hoàng Thị Bích Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Hải An, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Minh Thành, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 13 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 125/2023/TLPT-HS ngày 13 tháng 02 năm 2023 đối với bị cáo Vũ Thị H phạm tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, do có kháng cáo của bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 506/2022/HS-ST ngày 09/12/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

**** Bị cáo bị kháng cáo:***

Vũ Thị H, sinh năm 1973; Giới tính: Nữ; Nơi ĐKHKTT: Số A, ngõ G phố K, phường P, quận Đ, thành phố Hà Nội; Trình độ văn hoá: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Vũ Đức T, sinh năm: 1937; Con bà: Nguyễn Thị T1, sinh năm: 1949; Gia đình có 04 chị em, bị cáo là con thứ ba; Chồng: Phạm Đức T2; Có 03 con (lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất sinh năm 2007); Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt và tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/01/2022, hiện đang đi chấp hành án tại Trại giam Q, Bộ Công an. Vắng mặt.

* Bị hại có kháng cáo: Ông Trần Quang T3, sinh năm 1960; Trú tại: Phòng C nhà A, tập thể V, phường V, quận Đ, thành phố Hà Nội. Có mặt.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến kháng cáo: Ông Phạm Đức T2, sinh năm 1973; Nơi ĐKHKTT: Số A, ngõ G phố K, phường P, quận Đ, thành phố Hà Nội; Hiện ở: Khu G xã H, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

Ngoài ra trong vụ án còn 02 bị hại khác không có kháng cáo, không có

kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong các ngày từ ngày 10-12/4/2012, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thành phố Hà Nội nhận được đơn tố giác của một số công dân gồm: Đơn của ông Trần Quang T3 (sinh năm 1960, trú tại Phòng 34B nhà A9, tập thể V, phường V, quận Đ, thành phố Hà Nội) tố cáo Vũ Thị H vay của ông T3 số tiền 2.504.000.000 đồng sau đó bỏ trốn; Đơn tố giác của bà Phạm Thị H1 (sinh năm 1955, trú tại Số nhà A, ngách D, ngõ T, phường T, quận Đ, thành phố Hà Nội) tố cáo Vũ Thị H vay của bà Hằng số tiền 2.700.000.000 đồng sau đó bỏ trốn; Đơn tố giác của anh Phạm Thanh T4 (sinh năm 1974, trú tại Số B ngõ T, phường T, quận Đ, thành phố Hà Nội) tố cáo Vũ Thị H vay của anh T4 số tiền 2.600.000.000 đồng sau đó bỏ trốn không trả số tiền đã vay.

Quá trình điều tra xác định: Trong khoảng thời gian từ tháng 06/2011 đến tháng 01/2012, Vũ Thị H vay tiền của anh T3, bà H1 và anh T4 để lấy vốn kinh doanh. Do kinh doanh thua lỗ, đến hạn H không trả tiền cho các bị hại như cam kết, tháng 4/2012 H bỏ trốn khỏi nơi cư trú. Ngày 11/3/2013, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Hà Nội đã khởi tố vụ án và khởi tố bị can đối với Vũ Thị H về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Ngày 07/5/2013, Cơ quan điều tra ra Quyết định truy nã đối với Vũ Thị H. Đến ngày 06/01/2022, Vũ Thị H ra đầu thú tại Công an huyện T, thành phố Hà Nội. Hành vi phạm tội của Vũ Thị H cụ thể như sau:

1. Hành vi chiếm đoạt 2.504.000.000 đồng của ông Trần Quang T3: Do có quan hệ quen biết với ông Trần Quang T3 từ trước nên Vũ Thị H đã nhiều lần vay tiền của ông T3 để kinh doanh với lãi suất thỏa thuận 4%/1 tháng. H đã trả cho ông T3 được 40.000.000 đồng là tiền lãi, việc giao nhận tiền lãi không lập giấy tờ biên nhận, quá trình H đặt vấn đề vay tiền, ông T3 có yêu cầu vợ chồng H cùng có mặt để ông T3 giao tiền, nhận tiền từ ông T3, H có lập giấy tờ biên nhận cho ông T3, ông T3 có yêu cầu anh Phạm Đức T2 (là chồng H) đi cùng H ký tên trên giấy biên nhận tiền do H lập để đảm bảo ràng buộc trách nhiệm trả nợ cho khoản tiền H vay. Cụ thể các lần H vay của ông T3 như sau:

- *Lần thứ nhất:* Ngày 30/06/2011, vợ chồng H đến nhà ông T3 ở Phòng 34B nhà A9, tập thể V, phường V, quận Đ, Hà Nội. Tại đây, H vay của ông T3 số tiền 100.000.000 đồng, H viết giấy biên nhận tiền thì ông T3 yêu cầu anh T2

(là chồng H) cũng phải ký tên trong giấy biên nhận tiền để ràng buộc trách nhiệm trả nợ. H hẹn sau 3 tháng sẽ hoàn lại trả ông T3 số tiền trên. Sau khi H và anh T2 ký xong thì ông T3 giao cho H 100.000.000 đồng và giữ giấy vay tiền.

- *Lần thứ hai:* Ngày 12/8/2011, tại nhà ông T3 ở phòng 34B nhà A, tập thể V, phường V, quận Đ, Hà Nội, ông T3 tiếp tục cho H vay số tiền 200.000.000 đồng, H viết giấy vay tiền và hẹn 01 tháng sau sẽ hoàn trả lại số tiền trên rồi đưa cho ông T3 giữ.

- *Lần thứ ba:* Ngày 25/8/2011, tại nhà ông T3, H tiếp tục vay ông T3 số tiền 70.000.000 đồng, H viết giấy vay tiền đưa cho ông T3 giữ.

- *Lần thứ tư:* Ngày 28/8/2011, tại nhà ông T3, H tiếp tục vay ông T3 số tiền 30.000.000 đồng, H viết nội dung vay tiền vào tờ giấy vay tiền ngày 25/8/2011 và đưa cho ông T3 giữ.

- *Lần thứ năm:* Ngày 14/9/2011, tại nhà ông T3, H vay ông T3 số tiền 200.000.000 đồng, H viết giấy vay tiền và hứa hẹn khi anh T3 cần vợ chồng H xin hoàn lại số tiền trên rồi đưa cho ông T3 giữ.

- *Lần thứ sáu:* Ngày 12/10/2011, tại nhà ông T3, H vay ông T3 số tiền 200.000.000 đồng, H viết giấy vay tiền và hẹn 20 ngày sau sẽ hoàn trả lại rồi đưa cho ông T3 giữ.

- *Lần thứ bảy:* Ngày 25/10/2011, tại nhà ông T3, H vay ông T3 số tiền 200.000.000 đồng, H viết giấy vay tiền và hứa hẹn trong vòng 01 tháng sẽ hoàn trả lại cho ông T3, có anh T2 ký tên để ràng buộc trách nhiệm trả nợ cho khoản tiền vay của H theo yêu cầu của ông T3 rồi đưa cho ông T3 giữ.

- *Lần thứ tám:* Ngày 21/01/2012, tại nhà ông T3, H tiếp tục vay ông T3 số tiền 1.504.000.000 đồng, H viết giấy vay tiền và hứa hẹn khi thu xếp được tiền sẽ hoàn trả lại số tiền trên cho ông T3 rồi đưa cho ông T3 giữ.

Đến tháng 04/2012, do kinh doanh thua lỗ, không có khả năng trả tiền cho ông T3 như cam kết nên H đã bỏ trốn khỏi nơi cư trú nhằm chiếm đoạt của ông T3 số tiền đã vay. Ông T3 không liên lạc được với H, không biết H ở đâu nên ngày 12/4/2012 ông T3 gửi đơn đến Công an thành phố Hà Nội tố cáo Vũ Thị H có hành vi vay tiền rồi bỏ trốn và giao nộp 07 giấy vay tiền.

Như vậy, tổng số tiền Vũ Thị H chiếm đoạt của ông Trần Quang T3 là 2.504.000.000 đồng. Ông Trần Quang T3 yêu cầu H trả lại số tiền 2.504.000.000 đồng, đến nay H chưa khắc phục cho ông T3.

Ngoài ra bị cáo còn chiếm đoạt 2.700.000.000 đồng của bà Phạm Thị H1, chiếm đoạt 2.600.000.000 đồng của anh Phan Thanh T5.

Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết trên các tài liệu

giấy vay tiền do các bị hại giao nộp, kết quả:

- Tại Bản kết luận giám định số 02/C54 ngày 04/01/2013 của Viện khoa học kỹ thuật hình sự – Bộ Công an kết luận: Chữ ký, chữ viết đứng tên Vũ Thị H trên các giấy vay tiền đề ngày 30/06/2011; 12/8/2011; 28/8/2011; 14/9/2011; 12/10/2011; 25/10/2011; 21/01/2012 là do Vũ Thị H ký, viết ra.

- Tại Bản kết luận giám định số 362/C54 ngày 06/02/2013 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hà Nội kết luận: Chữ ký, chữ viết đứng tên Vũ Thị H trên các "Hợp đồng vay tiền" đề ngày 30/9/2011 và 20/01/2012; "Giấy vay tiền" đề ngày 22/9/2011; 04/10/2011 là do Vũ Thị H ký, viết ra.

- Tại Bản kết luận giám định số 3278/KL-KTHS ngày 24/5/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hà Nội kết luận: Chữ ký, chữ viết đứng tên Phạm Đức T2 trên "Hợp đồng vay tiền" đề ngày 30/9/2011; Giấy vay tiền đề ngày 22/9/2011 và 04/10/2011, 25/10/2011, 30/6/2011 là do Phạm Đức T2 ký, viết ra.

- Tại cơ quan điều tra, Vũ Thị H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên. H khai trong quá trình vay mượn tiền của ông T3, bà H1, anh T5 thì theo yêu cầu của ông T3, bà H1 và anh T5 chỉ giao tiền cho H vay sau khi lập giấy tờ biên nhận và có mặt hai vợ chồng H và anh T2, do đó H đã bảo anh T2 đi cùng và ký vào giấy biên nhận tiền do H lập để đảm bảo trách nhiệm trả nợ. H bảo anh T2 cùng ký tên trên giấy vay tiền để ông T3, bà H1, anh T5 tin tưởng cho H vay tiền. Sau đó ông T3, bà H1 và anh T5 giao tiền cho H, số tiền vay được chỉ mình H sử dụng, anh T2 không biết H sử dụng tiền vay vào mục đích gì. Quá trình bỏ trốn từ năm 2012 đến thời điểm bị bắt giữ H đã thay đổi nhiều chỗ ở, không có nơi ở cố định, không khai báo và đăng ký tạm trú tại những nơi tạm trú, không liên lạc với người thân, cũng không liên lạc gì với ông T3, bà H1, anh T5, cho đến nay cũng không trả lại cho ông T3, bà H1, anh T5 được khoản tiền nào.

Sau khi chiếm đoạt tiền của các bị hại, tháng 4/2012 H bỏ trốn khỏi nơi cư trú. Ngày 07/5/2013, Cơ quan điều tra ra Quyết định truy nã đối với Vũ Thị H. Đến ngày 06/01/2022, Vũ Thị H ra đầu thú tại Công an huyện T, thành phố Hà Nội.

+ Ngày 30/7/2012, 17/01/2013, 25/02/2013, 01/3/2013, 26/4/2013 Cơ quan điều tra tiến hành xác minh tại Công an phường P, quận Đ, Hà Nội: Từ tháng 3/2012, Vũ Thị H bán nhà số A ngõ A phố K, phường P. Hiện Công an phường không biết H ở đâu và làm gì.

+ Ngày 07/9/2012, 15/01/2013, 25/02/2013 Cơ quan điều tra tiến hành

xác minh tại nhà mẹ đẻ Vũ Thị H tại A ngõ F phường T, quận Đ, Hà Nội: Anh Vũ Đức H2 là anh trai H cho biết H không ở đây, gia đình không biết H hiện đang ở đâu và làm gì.

- Tại Cơ quan điều tra, anh Phạm Đức T2 khai nhận, vào năm 2011 và 2012 có một vài lần H bảo anh T2 chở đến nhà ông T3, bà H1, anh T5 chơi. Khi đến nhà ông T3, bà H1 và anh T5, H có hỏi vay tiền ông T3, bà H1 và anh T5, những người trên đã đồng ý cho H vay tiền, H có lập giấy tờ biên nhận cho ông T3, bà H1 và anh T5. Sau đó ông T3, bà H1, anh T5 giao khoản tiền vay cho H, việc vay mượn tiền của H diễn ra làm nhiều lần. H vay ông T3, bà H1, anh T5 bao nhiêu tiền và sử dụng vào mục đích gì, anh T2 không biết, có một vài lần H và ông T3, bà H1, anh T5 cùng yêu cầu anh T2 ký tên vào giấy biên nhận tiền do H lập để ràng buộc trách nhiệm trả nợ của hai vợ chồng với khoản tiền H vay. Do thấy những người trên đã giao tiền cho H nên anh T2 có làm theo yêu cầu, tuy nhiên anh T2 không kiểm tra nội dung, không nhớ đó là lần nào, anh T2 không nhận khoản tiền nào từ ông T3, bà H1, anh T5 hay H. Thời gian sau đó do nhiều người đến đòi nợ H đã bỏ trốn.

- Đối với anh Phạm Đức T2, quá trình điều tra xác định anh T2 có ký tên cùng H tại mục bên vay trên một số giấy vay tiền và hợp đồng vay tiền do H lập với ông T3, bà H1 và anh T5. Việc anh T2 ký tên là theo yêu cầu của H và những người cho vay tiền để ràng buộc trách nhiệm trả nợ, anh T2 không thỏa thuận, bàn bạc và nhận, sử dụng số tiền vay trên của H. Do đó, không có căn cứ xác định anh T2 đồng phạm với H chiếm đoạt tiền của các bị hại rồi bỏ trốn nên Cơ quan điều tra không đề nghị xử lý trong vụ án.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 506/2022/HS-ST ngày 09/12/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định:

1. Tuyên bố bị cáo: Vũ Thị H phạm tội *"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"*.

- Áp dụng: khoản 4 Điều 175; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015.

- Xử phạt bị cáo: Vũ Thị H 16 (mười sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 06/01/2022.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584, 585, 589, 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Vũ Thị H phải bồi thường cho ông Trần Quang T3 là 2.504.000.000 đồng (Hai tỷ, năm trăm linh tư triệu đồng).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về bồi thường dân sự, biện pháp bảo đảm thi hành án, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 19/12/2022, người bị hại ông Trần Quang T3 có đơn kháng cáo đề nghị xem xét về mức bồi thường thiệt hại và xem xét về trách nhiệm hình sự đối với ông Phạm Đức T2.

Ngày 17/4/2023 (theo dấu văn thư), ông Trần Quang T3 có đơn kháng cáo (bổ sung) với nội dung đề nghị xử tăng hình phạt đối với bị cáo H và hủy án sơ thẩm.

Tại phiên tòa:

- Người bị hại ông Trần Quang T3 khai như đã khai tại phiên tòa sơ thẩm, cơ quan điều tra và lời khai bổ sung sau khi tòa án cấp sơ thẩm trả lại hồ sơ để điều tra bổ sung, xác nhận đã cho bị cáo vay tiền đúng như bản án sơ thẩm đã nêu. Tuy nhiên vì có cả ông Phạm Đức T2 đến nhà và cùng ký vào giấy biên nhận nợ thì ông mới cho vay, vì vậy đề nghị xem xét về trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho ông và xem xét về trách nhiệm hình sự đối với ông Phạm Đức T2.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Đức T2 trình bày có một số lần đi cùng với vợ và được các bị hại yêu cầu ký giấy nhận nợ cùng với vợ để giàng buộc trách nhiệm trả nợ. Vợ ông trao đổi với các bị hại và trực tiếp nhận tiền của họ. Sau đó vợ ông chi tiêu thế nào ông cũng không biết chỉ đến khi bị các chủ nợ lấy nhà, vợ ông bỏ trốn thì mới biết rõ mọi chuyện, hiện nay tài sản không còn gì, vì quá khó khăn mấy bố con phải về quê ở Phú Thọ ở, hiện nay đang đi thuê nhà ở Khu G, xã H, thành phố V, tỉnh Phú Thọ, quá trình sinh sống tại đây đều đăng ký tạm trú với cơ quan có thẩm quyền.

- *Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:* Sau khi phân tích nội dung vụ án thấy trong quá trình vay tiền của các bị hại, bị cáo Vũ Thị H không bàn bạc gì với chồng, do đó Viện kiểm sát chỉ truy tố Vũ Thị H tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, không xác định ông Phạm Đức T2 đồng phạm với bị cáo H là đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông Trần Quang T3 và kiến nghị cơ quan điều tra tiếp tục xem xét xem ông Phạm Đức T2 đồng phạm với bị cáo hay không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

Cơ quan điều tra Công an thành phố Hà Nội và Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội và Kiểm sát viên, Thẩm phán, Thư ký trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự và thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ Điều 331, Điều 332, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, kháng cáo của người bị hại trong hạn và đúng thủ tục luật định, đủ điều kiện xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về việc kháng cáo và kháng cáo bổ sung:

Trong thời hạn kháng cáo (ngày 19/12/2022), người bị hại ông Trần Quang T3 có đơn kháng cáo đề nghị xem xét về mức bồi thường thiệt hại và xem xét về trách nhiệm hình sự đối với ông Phạm Đức T2.

Đến ngày ngày 17/4/2023 (theo dấu văn thư), ông Trần Quang T3 có đơn kháng cáo (bổ sung) với nội dung đề nghị xử tăng hình phạt đối với bị cáo H và hủy án sơ thẩm.

Xét thấy người bị hại kháng cáo bổ sung nhưng theo hướng bất lợi cho bị cáo, do đó căn cứ vào Điều 342 Bộ luật Tố tụng hình sự, HĐXX không xem xét về yêu cầu xử tăng hình phạt đối với bị cáo Vũ Thị H.

Việc vắng mặt bị cáo Vũ Thị H tại phiên tòa: Đây là phiên tòa xét xử lần thứ hai (lần thứ nhất ngày 18/4/2023) có mặt bị cáo, nhưng phải hoãn phiên tòa vì người bị hại là ông Trần Quang T3 có đơn xin hoãn phiên tòa. Đến ngày 28/4/2023, bị cáo Vũ Thị H đã đi thi hành án tại Trại giam Q, Bộ Công an. Xét việc vắng mặt của bị cáo cũng không ảnh hưởng đến việc xét xử bởi lời khai của bị cáo, bị hại, người liên quan đã có đầy đủ trong hồ sơ vụ án, do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị cáo H.

[2]. Về nội dung:

2.1. Về tội danh:

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; vật chứng đã thu giữ, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định:

Trong thời gian từ tháng 6/2011 đến tháng 01/2012, do cần tiền để kinh doanh Vũ Thị H đã vay của ông Trần Quang T3 số tiền 2.504.000.000 đồng, bà Phạm Thị Hằng s tiền 2.700.000.000 đồng và anh Phan Thanh T5 số tiền 2.600.000.000 đồng. Đến hạn thanh toán như đã cam kết, Vũ Thị H không trả tiền cho các bị hại mà bỏ trốn khỏi nơi cư trú để chiếm đoạt số tiền đã vay. Tổng

số tiền bị cáo đã chiếm đoạt của các bị hại là 7.804.000.000 đồng. Ngày 06/01/2022, Vũ Thị H đến Công an phường T, quận H, thành phố Hà Nội đầu thú khai nhận hành vi phạm tội.

Đối với anh Phạm Đức T2: Quá trình điều tra các bị hại khai khi giao dịch vay tiền của các bị hại thì bị cáo là người trực tiếp trao đổi với các bị hại, có một số lần anh T2 có đi cùng bị cáo và được các bị hại yêu cầu ký giấy nhận nợ cùng với bị cáo để ràng buộc trách nhiệm trả nợ. Tại phiên tòa sơ thẩm lần thứ nhất, các bị hại có yêu cầu đề nghị xem xét trách nhiệm hình sự của anh T2 trong vụ án. Tòa án cấp sơ thẩm đã trả hồ sơ yêu cầu điều tra bổ sung đề nghị Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát làm rõ vai trò, trách nhiệm của anh T2 trong vụ án.

Quá trình điều tra xác định: Đối với 02 giấy nhận nợ do ông T3 xuất trình có chữ ký Phạm Đức T2, qua giám định không phải do anh T2 ký và viết ra.

Tại bản kết luận điều tra bổ sung vụ án hình sự số 188 ngày 31/10/2022 của Cơ quan cảnh sát điều tra đã nêu. Căn cứ vào các tài liệu điều tra đến nay đã xác định Phạm Đức T2 có ký tên cùng H tại mục bên vay tiền trên một số giấy vay tiền và hợp đồng vay tiền, do H lập với ông T3, bà H1, anh K. Mặc dù T2 có hành vi thay đổi nơi cư trú không liên lạc với người cho vay tiền, tuy nhiên tại Cơ quan điều tra, T2 và H đều khai, việc T2 ký tên là do yêu cầu của H và những người cho vay tiền để ràng buộc trách nhiệm trả nợ, T2 không nhận và sử dụng số tiền vay, không biết việc H và ông T3, bà H1, anh K thỏa thuận mượn tiền, H và ông T3, bà H1, anh K cũng đều khai H là người đặt vấn đề vay tiền. Quá trình điều tra bổ sung, ông T3, bà H1, anh K cùng giữ nguyên lời khai trên và không có tài liệu gì khác để cung cấp phục vụ công tác điều tra, do đó cơ quan điều tra tiếp tục giữ nguyên quan điểm, đề nghị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội truy tố Vũ Thị H về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

Như vậy, tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo H và T2 đều khai số tiền vay của các bị hại, bị cáo H là người trực tiếp quản lý, sử dụng. Cơ quan điều tra xác định không đủ cơ sở xử lý hình sự đối với anh T2, Viện kiểm sát không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với anh T2, nên Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm không xem xét trách nhiệm hình sự của anh T2 trong vụ án này là đúng. Do đó, không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Quang T3 về nội dung này.

2.2. Về trách nhiệm dân sự:

Số tiền chiếm đoạt của các bị hại, bị cáo Vũ Thị H phải bồi thường cho các bị hại theo quy định của pháp luật.

Các tình tiết mà ông Trần Quang T3 nêu ra tại phiên tòa phúc thẩm đều là những tình tiết đã được xem xét tại phiên tòa sơ thẩm.

Trong quá trình giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm cũng như tại phiên tòa hôm nay, người bị hại không đưa ra thêm được những chứng cứ tình tiết đặc biệt nào mới để xem xét.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Quang T3, chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ vào Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị hại ông Trần Quang T3; Giữ nguyên quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 506/2022/HS-ST ngày 09/12/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Tuyên bố bị cáo: Vũ Thị H phạm tội *"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"*.

- Áp dụng: khoản 4 Điều 175; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015.

- Xử phạt bị cáo: Vũ Thị H 16 (mười sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 06/01/2022.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584, 585, 589, 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Vũ Thị H phải bồi thường cho các bị hại số tiền bị cáo đã chiếm đoạt, cụ thể như sau:

- Bồi thường cho ông Trần Quang T3 là 2.504.000.000 đồng (Hai tỷ, năm trăm linh tư triệu đồng).

- Bồi thường cho bà Phạm Thị H1 là 2.700.000.000 đồng (Hai tỷ, bảy trăm triệu đồng).

- Bồi thường cho anh Phan Thanh T5 là 2.600.000.000 đồng (Hai tỷ, sáu trăm triệu đồng).

**** Về biện pháp bảo đảm thi hành án:*** *Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền bồi thường, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357*

và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;
- Công an thành phố Hà Nộià Nội;
- CQTHAHS thành phố Hà Nội;
- Cục THADS thành phố Hà Nội;
- Trại giam Q, Bộ Công an.
- Người tham gia tố tụng (theo địa chỉ);
- Lưu VT, THS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Xuân Trọng